

SỐ 1547

LUẬN TỶ BÀ SA

Tác giả: A-la-hán Thi Đà Bàn Ni.

Hán dịch: Đồi Phù Tần, Tam tạng Tăng Già Bạt Trùng,

Người nước Kế-tân.

QUYỂN 1

Lá ý giác ái lạc

Nhánh diệp giới thanh tịnh

Ba mươi hai vô tỷ

Thân Hoa Nghiêm tương lạ.

Quả cam lộ trí thắng

Căn tinh tiến vững chắc

Cây Thánh đạo đầy đủ

Con đảnh lễ Như lai.

Vui khéo nói vô tỷ

Đường dứt Thành vô vi,

Quy mạng Tiên công đức

Tiêu trừ yêu lo lắng.

Lìa sinh già bệnh chết

Yên ổn trọn không dục

Pháp Đại Tiên giảng nói

Nay con cúi đầu lạy.

Giới diệp, hiển hiện cao

Núi non không dời đổi

Pháp trí tuệ thanh tịnh

Đại Mâu Ni giải thoát.

*Cây tòng lâm thiền thầy
Đá thân tức vô biên
Núi Tuyết lớn Thánh chúng
Nay con cúi đầu lạy.
Cúi đầu lạy như thế
Đời khen không ai bằng
Đại sư giảng rộng giáo
Nay, con kính vâng giữ!
Ta nói lời chánh giác
Vui vô thượng tắng trưởng
Thánh chúng đồng muốn nghe
Chuyên tâm nhất ý nghe.*

Tỳ-bà-sa thuyết A-tỳ-đàm kiên-độ

Tạp, Kiết sử, Trí, Hành. Bốn đại, Căn, Định, Kiến

Hỏi: Ai soạn ra kinh này?

Đáp: Đức Phật.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì là cảnh giới của bậc Nhất thiết trí, pháp tánh mẫu nhiệm của trí rất sâu.

Hỏi: Ai có cõi này?

Đáp: Không ai khác, chỉ có Phật.

Hỏi: Nếu như vậy làm sao tạo ra?

Đáp: Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi, Đức Phật đáp.

Lại có thuyết nói: Năm trăm Tỳ-kheo hỏi, Đức Phật đáp.

Lại có thuyết nói: Chư thiên hỏi, Đức Phật đáp.

Lại có thuyết nói: Hóa nhân hỏi, Đức Phật đáp.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Pháp này nên như thế. Như chỗ biết nên nói, không ai có thể hỏi. Lúc đó, Đức Thế Tôn hóa làm Hóa nhân đoan nghiêm, mẫu nhiệm cùng cực, rất tôn kính, vui vẻ, cạo bỏ râu tóc, mặc tăng-già-lê, chắp tay hỏi, Đức Thế Tôn đáp, như Kinh Nhân Duyên đã nói.

Hỏi: Nếu vậy, vì sao lại nói Tôn giả Ca-chiên-diên soạn ra kinh này?

Đáp: Vì Tôn giả kia đã tụng tập, chuyển giáo hóa người khác, nêu bày rộng. Vì tụng tập nêu giảng sâu rộng kinh này, nên nói là soạn ra.

Hoặc nói: Tôn giả Ca-chiên-diên soạn ra kinh này.

Hỏi: Như nói trí rất sâu, pháp tánh rất vi diệu, cảnh giới của đấng Nhất thiết trí, ai có cảnh giới này?

Đáp: Không có ai khác, chỉ Phật.

Hỏi: Sao lại nói do Tôn giả kia soạn nên?

Đáp: Vì Tôn giả kia vốn học nhay bén, đã phát thệ nguyện trước năm ngàn vị Phật để tu A-tỳ-đàm: khiến cho con vào thời của bậc Chánh Biến Tri ở vị lai, sẽ lập ra chương cú A-tỳ-đàm !

Vì thế nên Tôn giả kia đã vận dụng diệu trí quán xong mới soạn kinh này.

Hỏi: Nếu vậy, A-tỳ-đàm của Phật là sao?

Đáp: Đức Phật ấy nói đạo ở nhiều nơi địa phương, kinh thành, vì dùng các pháp để giáo hóa, nên Tôn giả Ca-chiên-diên-tử, ấy trong pháp Phật quá khứ, đã dùng nguyện trí quán một bề giản lược, tạo ra số phẩm, kiến-độ, lập môn chương, trong đó, dùng nhiều thứ pháp không giống nhau lập ra kiến-độ Tạp. Nói về kiết, lập kiến-độ Kiết. Nói về trí lập kiến-độ Trí. Nói về hành lập kiến-độ Hành. Nói về bốn đại lập kiến-độ Bốn đại. Nói về căn thì lập kiến-độ Căn. Nói về định lập kiến-độ Định. Nói về kiến lập kiến-độ Kiến. Như Đức Phật nói: “Tất cả các pháp cú, thì Tôn giả Đàm-ma-đa-la, ấy trong quá khứ, dùng nguyện trí quán hoàn toàn tóm lược, nếu nói kê vô thường thì lập phẩm vô thường, cho đến nói về Phạm chí thì lập phẩm Phạm chí. Như thế, Đức Phật giảng nói về đạo ở nhiều nơi chốn, địa phương, thành ấp, vì dùng mọi cách giáo hóa, nên Tôn giả Ca-chiên-diên-tử trong pháp Phật quá khứ đã dùng nguyện trí, quán hoàn toàn tóm lược, tạo ra số phẩm, kiến-độ, lập môn chương, qua đó dùng nhiều thứ không giống nhau, lập ra Tạp kiến-độ, nói về kiến, lập kiến-độ kiến.

Lại nữa, tất cả Phật, Thế Tôn, ra đời nói về ba tạng: Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm.

Hỏi: Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm có gì khác nhau?

Đáp: Một thuyết nói: Không có khác nhau.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì đều từ một biển trí chảy ra, nên không khác nhau, vì xuất phát từ đại bi, nên không có khác nhau. Vì đều muốn đem lại lợi ích cho hết thảy chúng sinh, nên không có khác nhau. Vì cùng hội nhập một môn giải thoát, nên không có khác nhau.

Hoặc nói: Có khác nhau. Vì Khế kinh nói về nhiều thứ, Luật nói về giới, A-tỳ-đàm nói về tướng.

Hoặc nói: Khế kinh dựa vào lược, Luật dựa vào đại bi, A-tỳ-đàm dựa vào vô úy.

Hoặc nói: Khế kinh nói ý tăng thượng, Luật nói giới tăng thượng,

A-tỳ-đàm nói tuệ tăng thượng.

Hỏi: Nếu vậy, Khế kinh cũng nói giới tăng thượng, tuệ tăng thượng, Luật cũng nói ý tăng thượng, tuệ tăng thượng, A-tỳ-đàm cũng nói ý tăng thượng, giới tăng thượng thì ở đây đâu có khác nhau?

Đáp: Nếu Khế kinh nói giới tăng thượng, thì nên biết là Luật, nếu nói tuệ tăng thượng thì nên biết là A-tỳ-đàm. Như luật nói ý tăng thượng nên biết là Khế kinh, nếu nói tuệ tăng thượng, thì nên biết là A-tỳ-đàm. Như A-tỳ-đàm nói về ý tăng thượng nên biết là Khế kinh, nếu nói đến giới tăng thượng, phải biết là Luật. Đây là sự khác nhau giữa Khế kinh, Luật, và A-tỳ-đàm.

Hỏi: Vì sao Tôn giả ấy soạn ra kinh, lại lập ra kinh này?

Đáp: Vì lợi ích cho người khác: Người siêng năng, người nghe, người tiếp nhận, người gìn giữ, người tư duy, người tính lường, người quán sát, vô lượng hành vi kiết ác, đều được dứt trừ trong giây lát.

Hoặc lại dựa vào đây mà độ lường được pháp tánh. Ví như người vì muốn giúp ích cho người khác, nên đốt đèn sáng ở nơi bóng tối để cho người có mắt được thấy sắc. Cũng như thế, Tôn giả ấy soạn ra kinh, vì muốn làm lợi ích cho người khác, nên lập ra kinh này. Nếu là người trí có ý tứ, thì người ấy nên dựa vào kinh này mà độ lường được pháp tánh. Phật Thế Tôn cũng vì làm lợi ích cho người khác, nên nói mười hai bộ kinh, Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Giả sử chúng sinh có sức nhân, không duyên nơi sức người khác, mà mở bày, giảng cho rõ ra, chúng sinh như thế, không biết sự khác nhau. Như duyên nơi người khác, mà triển khai, giảng giải, chúng sinh như thế, biết có sự khác nhau. Cũng như ở đây, các hoa Ưu-bát-la Bát-đầu-ma Câu-mâu-đầu, Phân-đà-lợi ở trong ao, tất nhiên có hoa Ưu-bát-la đến hoa Phân-đà-lợi, như mặt trời khi chưa mọc, ánh sáng không soi rọi, hoa không nở, không bày, không thơm, nếu khi mặt trời mọc, ánh sáng soi rọi, hoa nở sẽ thơm. Cũng như thế, chúng sinh có sức nhân, không duyên vào sức người khác mà mở giải, chúng sinh như thế, không biết sự khác nhau. Như duyên nơi sức người khác mà mở giải, chúng sinh như thế, biết có sự khác nhau, là nêu bày niềm tin, là bày rộng căn, lực, giác đạo, là giới hượng, như kệ ấy đã nói:

*Như nhà lợp kín
Mà vào trong tối
Dù có các sắc
Mắt cũng không thấy.*

*Như thế, có một
 Người không có trí
 Không nghe, không biết
 Thiện, ác của pháp.
 Có sáng có sắc
 Mà mắt trông thấy
 Nghe xong, nên biết
 Thiện, ác của pháp.
 Nghe pháp nên biết
 Nghe ác không làm
 Trừ bỏ phi nghĩa
 Nghe được vắng lặng.*

Như thế, Khế kinh khác nói (xuất xứ: Tạp A-hàm): Nay đệ tử Hiền Thánh nhất tâm nghe pháp! Ngay lúc ấy diệt được năm cái (năm thứ che lấp), tu đầy đủ bảy ý giác.

Như vậy, Khế kinh khác nói (xuất xứ: Tăng Nhất A-hàm): một nhân, hai duyên phát ra các kiến, nghe từ người khác, bên trong chánh tư duy.

Như thế, Khế kinh khác đã nói (xuất xứ: Thuyết bốn pháp của Tăng nhất): Có bốn pháp đem lợi ích cho mọi người. Bốn pháp đó là:

1. Gắn gũi bậc thiện tri thức.
2. Nghe pháp thiện.
3. Bên trong chánh tư duy.
4. Nối tiếp pháp, hưởng về pháp.

Như Phật, Thế Tôn vì làm lợi ích cho người khác, nên nói mười hai bộ kinh. Cũng thế, Tôn giả kia soạn kinh, cũng vì làm lợi ích cho người nên lập ra kinh này.

Hoặc nói: Do ba việc: Vì tăng trưởng trí, vì mở bày ý, vì lia chấp nhân.

- Tăng trưởng trí: Tụng hết các pháp trong, ngoài, không có gì có thể lợi ích cho trí như A-tỳ-đàm.

- Mở ý: Là ý chúng sinh đang mê ngủ không biết cái gì là vì Nhất thiết biến sử của giới (cõi) mình? Cái gì là Nhất thiết biến sử của không phải giới mình? Cái gì là Nhất thiết biến sử của địa mình? Cái gì là Nhất thiết biến sử của không phải địa mình? Cái gì là duyên của giới mình? Cái gì là duyên của không phải giới mình? Cái gì là duyên của địa mình? Cái gì là duyên của không phải địa mình? Cái gì là duyên hữu lậu? Cái gì là duyên vô lậu? Cái gì là duyên hữu vi? Cái gì là duyên

vô vi? Thế nào là gồm nhiếp? Thế nào là tương ứng? Thế nào là thành tựu? Thế nào là không thành tựu? Sao là nhân? Sao là duyên? Nếu ý này chuyển biến không do người khác độ, không do nghe người khác, tự thấy tự tại, thân tác chứng thì nhờ năng lực nào? Chỉ do A-tỳ-đàm vậy.

- Lìa chấp nhân (người): Nghĩa là tụng ngân ấy câu trước, câu sau của A-tỳ-đàm, bốn câu như thế không nói chấp nhân mà trong tất cả đều nói hành vô ngã, không phải chúng sinh, không phải mạng, không phải nuôi lớn, không phải ra ngoài không, tịnh.

Do ba việc làm lợi ích trí, mở bày ý, lìa chấp nhân nên soạn kinh này.

Hoặc nói: Vì phá trừ vô minh, cũng như đốt đèn sáng để xua tan bóng tối mà phát sinh ánh sáng, cũng thế, ngọn đèn A-tỳ-đàm xua tan vô minh, phát sinh ánh sáng trí tuệ. Đây là vì xua tan bóng tối vô minh.

Hoặc nói: Vì thấy hình tượng vô ngã, như lau chùi gương soi cho thật kỹ sẽ thấy hình ảnh mình. Cũng thế, gương soi A-tỳ-đàm rất sáng tỏ, biết rõ, thấy thật hình tượng vô ngã. Đó là thấy hình tượng vô ngã.

Hoặc nói: Vì vượt qua sông sinh tử, như nướng thuyền, mà hằng trăm ngàn chúng sinh đều được an ổn qua sông. Cũng thế, dựa vào thuyền A-tỳ-đàm rồi, vô số na-thuật chúng sinh đều yên ổn vượt qua sông sinh tử. Đó là vượt qua sông sinh tử.

Hoặc nói: Vì thấy Khế kinh, như người tay cầm đèn mà thấy các sắc kia không mê lầm. Cũng thế, người tuệ cầm đèn A-tỳ-đàm rồi, đối với các Khế kinh không mê lầm. Đây là vì thấy Khế kinh, nên lập ra kinh này.

Hỏi: Thế nào là tánh A-tỳ-đàm?

Đáp: Là tuệ căn vô lậu, vì gồm thâu tánh đồng của A-tỳ-đàm kia, nên gồm thâu một giới, một nhập, một ấm, một ít đối tượng nhập và phương tiện, tương ứng, cộng hữu, gồm thâu ba giới, hai nhập, năm ấm. Ba giới là: Giới ý, giới pháp, giới ý thức. Hai nhập là ý nhập, pháp nhập. Năm ấm là sắc, thống (thọ), tưởng, hành, thức ấm.

Hỏi: Nếu vậy, A-tỳ-đàm là tuệ căn vô lậu, vì sao kinh này gọi A-tỳ-đàm?

Đáp: Vì có đủ tính chất A-tỳ-đàm nên gọi là A-tỳ-đàm. Như có đủ tính chất nào đó, thì lấy tính chất vốn đủ ấy làm tên gọi. vì có đủ tính chất lạc nên lấy lạc làm tên gọi.

Kia vui đoàn thực

Tôi y làm vui

Đi, ngồi làm vui

Nương vào hang núi.

Vì đủ tính cấu uest nên lấy cấu uest làm tên gọi. Như kệ ấy nói:

Nữ cấu phạm hạnh

Nữ buộc thế gian

Khổ hạnh, phạm hạnh

Không nước rửa sạch.

Vì có đủ tính sử nên lấy sử làm tên gọi. Như kệ kinh đã nói (trích kinh Tạp A-hàm): Tỳ kheo bị sắc sai khiến, ái sắc. Nếu Tỳ kheo bị sắc sai khiến, thì Tỳ kheo kia tức là ái sắc. Như ái, ái rồi thì bị Ma ràng buộc. Vì đủ tính Dục nên lấy Dục làm tên gọi. Như kinh Tạp A-hàm đã nói: Công đức của ngũ dục, người của thế gian đều ưa thích nghĩ đến. Vì đủ tính câu móc, nên lấy câu móc làm tên gọi. Như kinh Tạp A-hàm đã nói: “Công đức của Ngũ dục là câu móc của các Ma. Vì đủ tính trói buộc (hệ) nên lấy trói buộc làm tên gọi”. Như kinh Tạp A-hàm đã nói: “Tỳ kheo thọ nhận sắc, bị ma trói buộc. Người không thọ nhận sắc, thì xa lìa Ma. Vì đủ tính các hành nên lấy hành làm tên gọi”. Như kinh tạp A-hàm đã nói: “Sáu nhập tế hoạt (xúc nhập) này căn bản là báu của hành. Vì đủ tính báu trả nên lấy báu làm tên gọi. Như kệ kinh đã nói (trích kinh Trung A-hàm): “Này các hiền giả! người kia thực thi quả báu, bảy lần sinh lên Trời, được làm vua Trời, bảy lần sinh ở nhân gian, được làm Vua người.

Như đã nêu đây, vốn đủ tính nào thì lấy tính đủ ấy làm tên gọi. Như thế, vốn đủ tính A-tỳ-đàm nên lấy A-tỳ-đàm làm tên gọi. Nhưng tánh của A-tỳ-đàm là Tuệ căn vô lậu. Như kệ kinh Phật đã nói: “Con quỷ này, suốt trong đêm dài không xu nịnh, không giả dối, ngay thật hỏi những sự việc, ấy là muốn biết cho nên không có ý xúc não, nhiễu loạn. Điều này cũng đúng như pháp. Nhưng ta đâu thể lấy A-tỳ-đàm rất sâu này trao cho chúng (trích kinh Trung A-hàm)

Hỏi: Trong đây, nói A-tỳ-đàm rất sâu là sao?

Đáp: Tức là tuệ căn vô lậu, như Kệ kinh của Phật nói: Bà-la-môn Phạm Ma đêm dài không có dua nịnh, không có huyễn hóa, ngay thẳng. Giả sử có ai hỏi về vụ việc, vì đều muốn biết, nên không có ý đụng chạm, nhiễu loạn. A-tỳ-đàm này cũng như pháp, ta thà có thể dùng A-tỳ-đàm rất sâu xa để truyền trao cho họ (đồng như trên).

Hỏi: Trong đây vì sao nói A-tỳ-đàm rất sâu xa?

Đáp: Tức là tuệ căn vô lậu. Như Kệ kinh Phật nói: Dị học Tu-bạt là hàng không có dua nịnh, không huyễn hóa, ngay thẳng, hỏi những sự việc ấy là vì đều muốn biết, nên không có ý đụng chạm, nhiễu loạn.

Việc này cũng như pháp. Nhưng ta đâu thể dùng A-tỳ-đàm rất sâu xa để truyền trao cho họ (Trích kinh: Tạp A-hàm).

Hỏi: Trong đây vì sao nói A-tỳ-đàm rất sâu xa?

Đáp: Tức là tuệ căn vô lậu, như Khế kinh của Phật nói: A-nan! Duyên khởi rất sâu, minh cũng rất sâu (Trích kinh: Trung A-hàm).

Hỏi: Trong đây vì sao nói rất sâu?

Đáp: Trong đây nói nhân và duyên rất sâu, như Khế kinh Phật nói: Chỗ này rất sâu, duyên khởi của kinh như thế cũng rất sâu, nghĩa là lia bỏ tất cả sự sinh tử, ái hết, không có dục, Niết-bàn diệt tận (Trích kinh: Tạp A-hàm).

Hỏi: Trong đây vì sao nói rất sâu?

Đáp: Trong đây nói nhân và duyên, nhân và duyên lia bỏ nói là rất sâu. Như Khế kinh Phật nói: Vì tất cả pháp rất sâu, nên khó trông thấy, vì khó trông thấy, nên là rất sâu (Trích kinh: Tạp A-hàm).

Hỏi: Trong đây vì sao nói rất sâu?

Đáp: Trong đây nói tất cả pháp rất sâu. Như Khế kinh Phật đã nói, cố sao ông là người ngu si, mù lòa không có mắt mà Luận về A-tỳ-đàm rất sâu (Trích kinh: Trung A-hàm).

Hỏi: Trong đây vì sao nói A-tỳ-đàm rất sâu?

Đáp: Là ý sinh, như Khế kinh Phật nói: Tiên-ni! Pháp của ta rất sâu, khó thấy, khó biết, không phải hành động xem xét, người không xét kỹ pháp kia. Vì sao? Vì người đã suốt đêm dài sinh tử theo kiến khác, nhãn khác, dục khác, lạc khác (Trích kinh: Tạp A-hàm).

Hỏi: Trong đây vì sao nói rất sâu?

Đáp: Trong đây nói Không Tam-muội rất sâu!

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì Không, vô ngã, Dị học kia chấp có ngã, không xét biết pháp đó, chỉ có tuệ căn vô lậu của tánh A-tỳ-đàm. Vì tánh ấy, nên các thế gian tu Tuệ bất tịnh, an ban niệm, ý chỉ, Noãn đến Đảnh, Nhẫn, pháp thế gian đệ nhất, tất cả được mang tên A-tỳ-đàm. Do tánh ấy, nên các tác dụng của Tư tuệ đều dứt trừ tự tướng và cộng tướng của các pháp, hủy hoại hạt giống ngu si và duyên ngu, trong pháp, không có hành điên đảo, đây cũng là tất cả được mang tên A-tỳ-đàm. Do tánh ấy, nên phát sinh quả báo vốn được, từ Văn tuệ thiện, người kia đối với mười hai bộ này nghe, nhận lấy, gìn giữ, tư duy, lường tính, quán sát tất cả được mang tên A-tỳ-đàm. Dù có những sở hành ấy, nhưng chỉ rõ tánh của A-tỳ-đàm là tuệ căn vô lậu.

Hỏi: A-tỳ-đàm có cú nghĩa nào?

Đáp: Tôn giả Bà-tu-mật nói: Đây là trí rốt ráo, đây là trí đoạn, đây là trí đệ nhất nghĩa, đây là trí không có lừa dối, đấy nói là A-tỳ-đàm. Lại nói: Đây đều là pháp ở trên nói là A-tỳ-đàm. Nếu tự tướng, cộng tướng của hàng Hữu học, người học kia dù dốc hết sức mình cũng không thể trội hơn. Chính vì lẽ đó, nên đều là pháp ở trên nói là A-tỳ-đàm.

Tôn giả Đàm Ma Đa La nói: Các tôn, nhiễm ô, thanh tịnh, ràng buộc, giải thoát, luân chuyển, xuất yếu, nói là pháp. Vì từ pháp này, nên là danh thân, cú thân, vị thân, theo thứ lớp nghiêm trị, tạo yên ổn, tạo tác, đó là A-tỳ-đàm.

Tôn giả Cù-sa nói: Khi hướng về giải thoát, đang tìm cầu trí, mà chưa hiểu rõ thì được chỉ rõ đó gọi là A-tỳ-đàm. Như nói: Đây là khổ, là nhân của khổ. Đây là Đạo, là quả của Đạo. Cầu quả Đạo ấy thì đây là đạo vô ngại, đạo giải thoát, là đạo tăng ích; là Hưởng là Quả. Thế nên nói: khi người hướng đến giải thoát, đang tìm cầu trí, mà chưa hiểu rõ, thì A tỳ đàm sẽ làm cho được hiểu rõ vậy.

Đàm-Vô-Đức nói: Pháp này không gì so sánh, (vô tử) đó là nói A-tỳ-đàm.

Hỏi: Pháp này do đâu không thể so sánh?

Đáp: Như bài kệ nói:

Trí là diệu thế gian

Thường đến có chỗ đến

Thường dùng đẳng chánh trí

Dứt sinh, già, bệnh, chết.

Lại nữa, tuệ vượt qua trên tất cả pháp, như nói các đệ tử bậc Thánh khéo léo dùng dao tuệ cắt đứt tất cả sử kiết phược, phiền não triền, lại cắt đứt, xua đuổi, loại trừ (Trích kinh: Tạp A-hàm).

Chính vì thế, nên nói pháp này không gì so sánh, đó là nói A-tỳ-đàm.

Tỳ-bà-xà-bà-đề nói: Ánh sáng của pháp này có công năng soi rọi, đó là nói A-tỳ-đàm. Như nói: Thế gian không có ánh sáng nào ngang bằng với tuệ (Trích kinh: Tạp A hàm). Lại như kinh ấy nói: Trong các ánh sáng hiện có, thì ánh sáng Tuệ, nói là bậc nhất (Kinh Tạp A hàm). Do đó nói, ánh sáng của pháp này có công năng soi rọi; đó là nói A-tỳ-đàm

Xá Đề nói: Chưa dứt hết, có thể dứt hết, chưa lựa chọn, có thể lựa chọn, đó là A-tỳ-đàm.

Hỏi: Hết cái gì?

Đáp: Là dứt hết kiết, phược, sử, triền phiền não.

Hỏi: Lựa chọn cái gì?

Đáp: Lựa chọn về duyên khởi, giới, nhập, ẩm. Cho nên nói chưa dứt hết, có thể dứt hết, chưa lựa chọn, có thể lựa chọn, đó là A-tỳ-đàm.

Phái Thí Dụ nói: Pháp, thứ lớp của pháp, đó là A-tỳ-đàm.

Hỏi: Thế nào là pháp, thứ lớp của pháp?

Đáp: Khế kinh Phật nói: Pháp đệ nhất nghĩa của Niết-bàn. Theo thứ lớp của pháp Niết-bàn đó, lại còn có pháp gì? Đó là tám đạo của Thánh. Cho nên nói pháp, thứ lớp của pháp, đó là A-tỳ-đàm.

Tôn giả Bà-bạt-cầm nói: Vì sự tăng thượng, tăng thượng chuyển hơn, đây là nói A-tỳ-đàm. Như nói: Trưởng trên hết, trưởng tăng hơn, mạn trên hết, mạn tăng hơn. Pháp này cũng thế. (Bài tựa A-tỳ-đàm xong).

Ba kiết, ba căn bất thiện, ba hữu lậu, bốn lưu, bốn ách, bốn thọ, bốn phược, năm cái, năm kiết, năm kiết phần dưới, năm kiết phần trên, năm kiến, sáu thân ái, bảy sử, chín kiết, chín mươi tám sử. Đây là tất cả Khế kinh Phật, trừ năm kiết, chín mươi tám sử. Trừ năm kiết xong, sẽ lập năm kiết phần trên.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Các kiết, sử kia là Khế kinh Phật đã dứt trừ chín mươi tám sử xong nên không lập.

Hỏi: Vì sao như thế?

Đáp: Tôn giả Đàm-Vô-Đa-la đều đem A-tỳ-đàm so với Khế kinh Tứ A-hàm, nếu không phải Khế kinh Phật, thì bỏ, vì kiết sử này không phải do Khế kinh Phật nói nên bỏ.

Hoặc nói năm kiết này ở chương không nên bỏ.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Năm pháp này ở trong Khế kinh Tăng nhất A hàm, Phật đã có nói, nhưng vì thời gian lâu xa đến nay đã mất mát. Tôn giả soạn kinh kia đã dùng nguyện trí quán xong, mới lập ra chương A-tỳ-đàm này. Phật nói vô lượng bộ, vì trải qua thời gian lâu xa, nên bị mất mát. Người nói Tăng Nhất A-hàm, từ một pháp đến trăm pháp, nay từ một pháp đến mười pháp, đối với một pháp này, phần nhiều có mất mát không còn. Như thế cho đến mười.

Lại nói: Tôn giả A-la-hán Xá-na-bà là thầy của Kỳ-bà, ngay trong ngày Tôn giả kia nhập Niết-bàn, chính hôm đó đã bị mất hết bảy mươi ngàn Sinh kinh. Trong A-tỳ-đàm, mất mười ngàn kinh. Từ đây về sau, pháp Phật không còn lưu hành. Như vậy, vô lượng bộ này đã bị mất mát

trong thời gian khá lâu. Và như vậy, năm kiết mà Khế kinh Phật nói, Tăng Nhất A-hàm ở trong năm pháp, đã bị mất mát từ khá lâu. Tôn giả soạn kinh đã vận dụng nguyên trí quán sát xong mà lập ra chương A-tỳ-đàm này.

Hỏi: Chín mươi tám sử không phải do Khế kinh Phật nói. Vì sao đối với chương A-tỳ-đàm này không bỏ?

Đáp: Vì tất cả chương này là nghĩa của Khế kinh, Khế kinh chọn, Khế kinh nói. Trong Khế kinh Phật có nói bảy sử, phân biệt giới, phân biệt chủng, phân biệt hành, gồm thâu xong, nên có chín mươi tám sử.

Hoặc nói: Điều chẳng phải Khế kinh Phật, trong chương, đều không nên bỏ.

Hỏi: Năm kiết không phải Khế kinh Phật, trong chương này vì sao không bỏ?

Đáp: Vì ý của Tôn giả soạn kinh muốn thế. Chẳng hạn như ta đã nói riêng Nhất thiết biến kiết, nói riêng không phải Nhất thiết biến, nói riêng Nhất thiết biến chẳng phải Nhất thiết biến. Tôn giả kia nói riêng Nhất thiết biến kiết, như ba kiết. Nói riêng không phải Nhất thiết biến, như năm kiết. Nói riêng Nhất thiết biến chẳng phải Nhất thiết biến, như chín kiết. Cho nên nói là do ý của Tôn giả soạn kinh muốn thế.

Ba kiết đến chín mươi tám sử:

Hỏi: Vì sao soạn ra chương?

Đáp: Vì lập môn, nên không thể không có chương mà lập môn, được không thể dùng tay để trang nghiêm hư không.

Hỏi: Vậy chỗ nào có thể trang nghiêm?

Đáp: Trang nghiêm chỗ đáng trang nghiêm. Như thế, không thể dùng không có chương mà lập môn được.

Hoặc nói: Đừng để không có chương, mà luận bàn rỗng không.

Hoặc nói: Vì do ở lâu, nên như số phẩm của ấm này, tạo ra nhiều phần tốt, tạo ra chương tốt, lập môn tốt. Trong trăm ngàn có thể là một, có thể được gìn giữ, cũng có thể không, hướng chi kiến giải phân tán, tụ hợp lộn xộn, ai có thể gìn giữ được, đây nói là vì ở lâu.

Hoặc nói: Vì tự mình không có tri kiến rối loạn. Nếu có người tri kiến rối loạn soạn kinh, thì kinh cũng sẽ rối loạn. Do đây có thể biết Tôn giả soạn kinh với tri kiến không rối loạn, nên kết cuộc soạn kinh này rất chánh thiện, không rối loạn. Đây là nói tự thân không có tri kiến rối loạn, nên soạn ra chương.

Hỏi: Vì sao từ Khế kinh Phật soạn ra chương?

Đáp: Vì muốn thể hiện vô lượng nghĩa của Khế kinh Phật, khác

với các bộ ngoại đạo hoặc ít nghĩa, hoặc không có nghĩa. Ít nghĩa, nghĩa là tụng hai cú nghĩa của mười hai ngàn chương của La-ma-na. La-ma-na đem Tư-đà-bồ Ba-la-di, rồi đem trở lại. Không có nghĩa là vì một người nữ, nên đã giết mười tám chúng sinh trẻ con, như cỏ đầy trong thành sắt. Các bộ ngoại đạo có ít nghĩa hoặc vô nghĩa như thế.

Hỏi: Khế kinh Phật thế nào?

Đáp: Vô lượng nghĩa, vô biên vị, như biển cả vô lượng, rất sâu, rất rộng, vô biên. Khế kinh của Phật cũng như thế. Vô lượng nghĩa, vô biên vị: Như Tôn giả Xá-lợi-phất đã so sánh. Như thế, với trăm ngàn số na-thuật, tạo ra trăm ngàn kinh, tất cả là do trí tuệ của Tôn giả trụ nơi bất khả đắc, với nghĩa hai câu Khế kinh Phật mà đã sâu đến tận đáy, rộng vượt bờ kia, đây là nói Khế kinh Phật hiển hiện vô lượng nghĩa.

Hoặc nói: Vì nhân việc hỏi đáp, hiển hiện nơi Khế kinh, khác với các bộ ngoại đạo hỏi cũng không nhân, lời đáp cũng không nhân, cũng như con khỉ. Lại cũng không chịu sự đánh đập, không chịu đánh đập nữa, dùng chày giã thì chúng giải tán. Như thế, các bộ ngoại đạo hỏi cũng không nhân, đáp cũng không chịu. Hỏi việc xong, như bị chày giã.

Hỏi: Khế kinh của Phật thế nào?

Đáp: Như áo được dệt ở thành Ba-la-nại, chày giã cũng chịu được, giã lại cũng chịu được. Giã, giã lại, càng tăng thêm sự mềm mại, màu sắc. Khế kinh Phật cũng như thế. Hỏi cũng nhân, đáp cũng nhân, hỏi và đáp càng tăng thêm sự mềm mại nơi công đức tốt đẹp của giới. Thế nên sự hỏi đáp một cách kiên trì thường thể hiện ở Khế kinh của Phật. Hoặc nói: Khế kinh của Phật, vì mở bày sự mầu nhiệm.

Khế kinh

Phật nói: Ba việc này che đậy thì đẹp, mở ra thì không đẹp. Ba việc ấy là: Vô minh: Bà-la-môn nói với người nữ: Ba việc mở ra thì đẹp, che lại thì không đẹp. Thế nào là ba? Là ánh sáng mặt trời, mặt trăng, lời nói của Phật (Trích kinh: Tạp A-hàm). Đây nói là Khế kinh Phật vì mở bày cái đẹp, nên ở Khế kinh Đức Phật tạo ra chương.

Hỏi: Vì sao trước tạo chương, sau lập môn?

Đáp: Vì pháp đối trị địa, như người muốn trồng cây, trước hết phải cày xới đất, sau đó mới trồng cây. Người soạn kinh ấy cũng như thế. Pháp trị địa trước soạn chương, là phương pháp trồng cây, sau mới lập môn.

Hoặc nói: Vì phương pháp cơ bản, như người cất nhà, người ấy trước phải đào móng, sau đó mới dựng nhà. Người soạn kinh kia cũng như thế. Vì pháp cơ bản, nên trước soạn chương, lập pháp nhà, sau lập

môn.

Hoặc nói: Vì pháp khuôn gỗ, như hình tượng, hình tượng của thầy, học trò của thầy, trước phải sửa chữa khuôn mẫu, sau đó mới lập chi tiết. Người soạn kinh cũng như thế. Phương pháp sửa chữa khuôn gỗ, trước phải soạn chương, pháp chi tiết, sau là lập môn.

Hoặc nói: Vì phương pháp vẽ, như họa sư, học trò học vẽ, trước phác họa theo kiểu mẫu, sau là vẽ màu trên vải. Người soạn kinh kia cũng như thế. Phương pháp của khuôn mẫu, là trước tạo vẽ màu trên vải, sau lập môn.

Hoặc nói: Vì phương pháp dùng chỉ khâu. Như thợ khâu tràng hoa khéo léo, học trò khâu tràng hoa, trước dùng dây chỉ, sau đó, kết thành mỗi thứ tràng hoa. Người soạn kinh kia cũng như thế. Phương pháp dùng chỉ khâu, trước tạo ra phương pháp kết tràng hoa chương, sau lập môn.

Hoặc nói: Hiện tôn pháp, Phật, Thế Tôn cũng lại như thế. Nói phân biệt pháp tức Đức Thế Tôn trước kia có nói: Vị Tỳ-kheo có sáu tụ giới, sáu xúc, bốn xứ (một là xứ chân đế, hai là xứ thí, ba là xứ tuệ, bốn là xứ hơi thở).

Mười tám ý hành, sau đó sẽ phân biệt: Đây là sáu giới, sáu xúc, bốn xứ, mười tám ý hành của Tỳ-kheo. Người soạn kinh kia cũng như thế. Người nói pháp, trước soạn ra chương, người phân biệt pháp, sau lập ra môn, đây nói là hiện tôn pháp.

Hoặc nói: Vì pháp hiện tu hành, nên như người tu hành kia, trước dùng tạo sắc của bốn đại, tạo ra chương xong, sau đó lại phá tan sắc vi tế. Người soạn kinh kia cũng như thế.

Sắc pháp của bốn đại tạo trước sau soạn chương, phá tan sắc pháp, sau đó lập môn, đây là nói pháp hiện tu.

Hoặc nói: Vì pháp hiện luận. Pháp của luận này trước hỏi, sau đáp. Thế nên vì pháp hiện luận, nên đây nói người soạn kinh kia, trước soạn chương, sau lập môn.

Hỏi: Vì sao Tôn giả soạn kinh kia, trước lập ba kiết, sau lập đến chín mươi tám sử?

Đáp: Vì trước đã nói: A-tỳ-đàm nói về tướng, phải cầu tướng của A-tỳ-đàm, không nên tìm thứ lớp. Khế kinh nên tìm thứ lớp. Vì sao? Vì phẩm này nói theo thứ lớp. Phẩm này, luật nói gốc, ngọn, nên tìm gốc ngọn. Nghĩa ấy do đâu sinh? Chỉ A-tỳ-đàm nói về tướng, nên tìm tướng của A-tỳ-đàm, không nên tìm thứ lớp.

Lại nữa, có thể nói sơ dĩ Tôn giả soạn kinh, trước lập ba kiết, sau lập đến chín mươi tám sử, vì chỉ A-tỳ-đàm phần nhiều phá tán loạn,

tự hợp, ai có thể nói hết thứ lớp? Chỉ A-tỳ-đàm nói về tướng, nên cầu tướng, không nên cầu thứ lớp, trước sau không có.

Tôn giả Bà-Xa nói: Tất cả pháp nghi không trái. Nếu trước lập ba căn bất thiện, sau lập đến chín mươi tám sử, sử đó cũng sẽ có nỗi nghi ngờ này, cho nên tất cả pháp nghi không trái, trước sau không có.

Hoặc nói: Vì ý của người soạn kinh kia muốn thế. Như ta trước lập ba kiết, sau lập đến chín mươi tám sử, do đây nên như thế.

Hoặc nói: Vì pháp tăng ích, nên trước hiện ba, sau bốn, năm, sáu, bảy, chín, chín mươi tám sử, cho nên vì pháp tăng ích.

Hoặc nói: Thứ lớp lập bốn quả Sa-môn, nên ba kiết hết hẳn, lập quả Tu-đà-hoàn, cho nên quả Tu-đà-hoàn ở trước lập ba căn bất thiện, ngoài ra đều lập quả Tư-đà-hàm, hết hẳn lập quả A-na-hàm, cho nên tiếp theo quả này, lập ba hữu lậu, vĩnh viễn dứt hết hữu lậu, lập quả A-la-hán. Thế nên sau quả A-la-hán, các dòng chảy (phiền não), ách, thọ, cho đến chín mươi tám sử. Tất cả sử này, nói rộng là hữu lậu, lậu có khác nhau, hữu lậu tăng. Ba hữu lậu này: là lưu, ách, thọ, đến chín mươi tám sử. Thế nên theo thứ lớp lập bốn quả Sa-môn.

Hoặc nói: Vì theo thứ lớp lập cây kiết, nên cây kiết trước hiện ba, sau hiện bốn, năm, sáu, bảy, chín, chín mươi tám sử. Thế nên người soạn kinh kia, trước lập ba kiết, sau lập đến chín mươi tám sử, nói rộng về chương xứ xong.
